

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **25/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 – 09 – 2020.

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Thắng.
2. Ông Vũ Mạnh Thu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến. Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 323/2020/HNGĐ-ST, ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim D**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Khu 4, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có đơn xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1984. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Ngày 15/01/2020 nguyên đơn chị Trần Kim D làm đơn khởi kiện Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T với nội dung như sau:** Chị D và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 05/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng về chung sống tại ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai được 4 đến 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong công việc, dẫn đến thường hay cãi nhau, nên từ cuối năm 2009 chị D đã về nhà bố mẹ để chị D sinh sống để sinh con, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng nên đề nghị Tòa cho chị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị D và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 10/ 01/ 2010. Nguyên vọng của chị D xin được nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N, sinh ngày 10/ 01/ 2010 và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T trợ cấp tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:** Anh T và chị Trần Kim D đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/5/2009, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai, khi đăng ký kết hôn chúng tôi hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 đến 5 tháng, đến cuối năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, thường xuyên cãi nhau, có những lúc vợ chồng không kiềm chế nên có lời nói xúc phạm danh dự lẫn nhau, đến cuối năm 2009 sau khi vợ chồng cãi nhau cô D bỏ về nhà bố mẹ đẻ cô D tại Khu 4, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ sinh sống, nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2009 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tôi nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nay cô Trần Kim D làm đơn ly hôn tại Tòa án thì tôi đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Trần Kim D.

- Về con chung: Cuối năm 2009 chị D bỏ đi về nhà mẹ đẻ sinh sống thì vợ tôi (cô D) đang mang thai đứa con chung được 03 tháng là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 10/01/2010, cháu Nam là con ruột của anh T và chị D trong thời kỳ hôn nhân. Hiện nay cháu Trần Bảo N còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, từ khi sinh ra đến nay cháu Nam sống cùng mẹ là cô D, vì vậy anh T có nguyện vọng đồng ý giao cháu Trần Bảo N cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên nguyên đơn bà Trần Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt và từ chối tham gia phiên hòa giải. Do các đương sự tham gia không đầy đủ nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên ý kiến là đồng ý ly hôn với chị Trần Kim Dung; Về con chung: Giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 10/01/2010 cho chị D nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi; Về tiền cấp dưỡng

nuôi con chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung, không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên đơn chị Trần Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, bị đơn anh Nguyễn Văn T đều thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trần Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1 khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Kim Dung; Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Kim D và anh Nguyễn Văn T; Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 10/01/2010 cho chị Trần Kim D nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi; Chị Trần Kim D không yêu cầu anh Nguyễn Văn T trợ cấp tiền nuôi con chung nên không đề cập đến để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trần Kim D , lập ngày 15/01/2020, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy tại thời điểm thụ lý đơn khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 5, xã Ea Sar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Do

vậy Tòa án nhân dân huyện Ea Kar áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy nguyên đơn chị Trần Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] **Xét về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Kim Dxin ly hôn anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Chị Trần Kim D và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/5/2009, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị D và anh T đều thừa nhận: Trong thời kỳ chung sống với nhau, vợ chồng chị D, anh T chung sống hạnh phúc được khoảng 4 đến 5 tháng thì đến cuối năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, có những lúc vợ chồng không kiềm chế nên có lời nói xúc phạm danh dự lẫn nhau, đến cuối năm 2009 chị D về nhà bố mẹ đẻ chị D tại Khu 4, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ để sinh sống, nên vợ chồng chị D, anh T sống ly thân từ cuối năm 2009 đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Kim D và anh Nguyễn Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, bị đơn anh Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim D. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Trần Kim D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] **Về con chung:** Trong quá trình chung sống chị Trần Kim D và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 10/01/2010. Nguyên vọng của chị D xin được nuôi dưỡng cháu N và bị đơn anh Nguyễn Văn T

đồng ý giao con chung cháu Trần Bảo N cho chị Trần Kim D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi. Vì vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 10/01/2010 cho chị Trần Kim D chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Kim D không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng tiền nuôi cháu N nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Anh Nguyễn Văn T được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, chị Trần Kim D không được quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc chị Trần Kim D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009041 ngày 10 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Kim D và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 10/01/2010 cho chị Trần Kim D chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tiền trợ cấp nuôi con chung: Chị Trần Kim D không yêu cầu anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập để giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Kim D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009041 ngày 10 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Kim D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án ly hôn sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án ly hôn sơ thẩm trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự;
- UBND xã T, xã L, Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai

